

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 22 - 7 - 2022
V/v “*Ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Võ Xuân Sơn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* bà Trần Thị Hoa và ông Vũ Viết Cẩm

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** ông Vũ Huy Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Bị đơn:* Ông Phan Xuân H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M, ông H xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Phan Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng không tôn trọng nhau dẫn đến tình cảm rạn nứt. Nay bà thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Phan Xuân H.

Về con chung: bà và ông H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà và ông H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay do đang sinh sống, làm việc ở xa nên bà xin vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

** Bị đơn ông Phan Xuân H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Trần Thị M tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2003, ngày 17/11/2003. Từ khi kết hôn năm 2003 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2003 đến nay. Nguyên nhân do ông bà không hiểu, không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, cuộc sống chung giữa vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, không tìm được tiếng nói chung dù đã cố gắng thử nói chuyện với nhau để khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn muốn chung sống. Mâu thuẫn vợ chồng tôi chưa qua chính quyền địa phương hòa giải vì ông bà không yêu cầu. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên qua yêu cầu xin ly hôn của bà M thì ông đồng ý.

Về con chung: ông và bà M không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông và bà M không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay do ở xa, sức khỏe yếu không đi lại được nên xin vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: bà M và ông H đã có mâu thuẫn trầm trọng, bà M không còn tình cảm với ông H. Bà M xin ly hôn ông H đồng ý.

Do đó đề nghị ghi nhận ý kiến đương sự cho bà M ly hôn với ông M; về quan hệ con chung: bà M, ông H đều xác định không có con chung, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét; về quan hệ tài sản chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bà Trần Thị M xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với ông Phan Xuân H về việc ly hôn. Về con chung, tài sản chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Phan Xuân H xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến đồng ý ly hôn. Con chung, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà M, ông H.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Trần Thị M khởi kiện về việc ly hôn với ông Phan Xuân M, nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định bà Trần Thị M là nguyên đơn, ông Phan Xuân H là bị đơn; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị M và ông Phan Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2003, ngày 17/11/2003. Căn cứ các Điều 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông H có giá trị pháp lý. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ xét thấy tình trạng hôn nhân của bà M và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện qua lời trình bày của bà M và sự thừa nhận của ông H; bà M và ông H đã ly thân nhau nhiều năm. Nay bà M xin ly hôn ông H tự nguyện đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 51, 53, 64, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Trần Thị M được ly hôn ông Phan Xuân H.

[4]. Về con chung: bà Trần Thị M và ông Phan Xuân H cùng thống nhất trình bày không có con chung, bà M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Bà M, ông H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà Trần Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004336 ngày 03/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị M được ly hôn ông Phan Xuân H.

[2]. Về quan hệ con chung: không có, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí: bà Trần Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004336 ngày 03/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: bà Trần Thị M, ông Phan Xuân H được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn